

THÔNG BÁO

**Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam
tại Hội nghị giao ban trực tuyến về thúc đẩy thực hiện Đề án phát triển
ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ
chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030**

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tỉnh ủy Thái Nguyên, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đã chủ trì Hội nghị giao ban trực tuyến với 46 địa phương để thúc đẩy thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06). Tham dự Hội nghị có các đồng chí: Thứ trưởng Bộ Công an Nguyễn Duy Ngọc, Tổ phó Thường trực Tổ Công tác triển khai Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ; Bí thư tỉnh Thái Nguyên Nguyễn Thanh Hải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên Trịnh Việt Hùng; Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Khánh Ngọc, thành viên Tổ Công tác triển khai Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ; đại diện các Bộ, cơ quan: Thông tin và Truyền thông, Y tế, Lao động – Thương binh và Xã hội, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Văn phòng Chính phủ, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tổ Công tác triển khai Đề án 06 cấp tỉnh.

Sau khi nghe báo cáo kết quả triển khai Đề án 06 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, tham luận của các bộ, cơ quan, địa phương và ý kiến phát biểu của Thứ trưởng Bộ Công an Nguyễn Duy Ngọc, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam có ý kiến như sau:

1. Đề án 06 có vai trò quan trọng, hướng tới phục vụ người dân, doanh nghiệp một cách tốt hơn, hiệu quả hơn, mang lại lợi ích thiết thực. Phó Thủ tướng ghi nhận các bộ, ngành, địa phương đã chủ động đăng ký nhiệm vụ, cam kết với Thủ tướng Chính phủ trong thực hiện nhiệm vụ của Đề án 06; biểu dương các địa phương được chọn làm điểm đã rất nỗ lực, cố gắng trong triển khai nhiệm vụ của Đề án 06. Qua đó, tạo tiện ích cho người dân và doanh nghiệp, góp phần quan trọng phục vụ chuyển đổi số quốc gia. Tuy nhiên, những kết quả đạt được mới chỉ là bước đầu.

2. Đề tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai, thực hiện Đề án 06 trong những tháng cuối năm 2022, tạo tiền đề thực hiện trong năm 2023 và những năm tiếp theo, đề nghị các bộ, ngành, địa phương quán triệt tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị sơ kết 6 tháng triển khai Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời, đề nghị người đứng đầu các địa phương cần quyết tâm, quyết liệt chỉ đạo thực hiện Đề án tại địa phương mình, báo cáo Thường vụ Tỉnh ủy/ Thành ủy đề xuất ban hành Nghị quyết triển khai Đề án 06 để tạo sự thống nhất trong công tác chỉ đạo.

3. Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Chỉ đạo cụ thể các cơ quan, tổ chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính không yêu cầu người dân phải xuất trình, nộp Sổ hộ khẩu theo đúng quy định của Luật Cư trú và các văn bản hướng dẫn Luật Cư trú.

- Tổ chức đẩy mạnh triển khai, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến, nhất là 25 dịch vụ công thiết yếu đã được xác định trong Đề án 06 và 29 dịch vụ công trực tuyến theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với nhóm liên thông Đăng ký khai sinh – đăng ký thường trú – cấp thẻ BHYT cho trẻ dưới 6 tuổi: trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Công an, các địa phương nghiên cứu thực hiện giải pháp không xác minh chỗ ở hợp pháp để đăng ký thường trú cho trẻ em, thời gian thực hiện trong tháng 10 năm 2022.

- Chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế về cấu trúc thông tin, dữ liệu và các yêu cầu kỹ thuật kết nối để triển khai kết nối cơ sở dữ liệu về hồ sơ sức khỏe người lái xe lên hệ thống của Bộ Giao thông vận tải thực hiện dịch vụ công Cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe của Bộ Giao thông vận tải.

- Chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn sử dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip tích hợp thông tin bảo hiểm y tế trong khám bệnh, chữa bệnh; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán viện phí, bảo đảm mục tiêu theo Quyết định số 27/QĐ-UBQGCHS ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số.

- Đối với các địa phương chọn làm điểm, đề nghị nghiên cứu, phối hợp với Ban quản lý chung cư nơi có mật độ dân số cao, hạ tầng tốt, sảnh rộng rãi để đặt máy tính cho người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Lưu ý, nội dung này nên triển khai từng bước, làm có tính thí điểm để nhân rộng ra, thời gian thực hiện trong tháng 10 năm 2022.

- Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công an về khai báo lưu trú trên VNeID để quản lý cư trú; yêu cầu 100% các cơ sở lưu trú trên địa bàn bao gồm khách sạn, lưu trú bệnh viện,... phải thực hiện khai báo lưu trú qua ứng dụng VNeID.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp thuộc địa phương mình quản lý thực hiện việc chi trả không dùng tiền mặt trong thực hiện chính sách an sinh xã hội cho các đối tượng thụ hưởng bằng nguồn ngân sách nhà nước; chỉ đạo Sở Giáo dục và đào tạo hướng dẫn các trường học thu học phí và thực hiện các khoản thu – chi khác qua phương tiện điện tử bảo đảm đúng mục tiêu, lộ trình của Quyết định số 27/QĐ-UBQGČDS.

- Chỉ đạo đối soát, làm sạch dữ liệu về tiêm chủng, dữ liệu an sinh xã hội và dữ liệu của các hội, đoàn thể theo hướng huy động tổng lực các nguồn lực như: thành viên Tổ Công tác Đề án 06 cấp xã, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ,... thành một Tổ để rà soát chung tất cả các dữ liệu cho hiệu quả, tiết kiệm, bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật thông tin, đồng bộ, thống nhất với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử theo đúng quy định pháp luật.

4. Bộ Công an

- Nghiên cứu, triển khai thí điểm tại Thái Nguyên về ứng dụng đào tạo nghiệp vụ cho các công chức về chuyển đổi số, dịch vụ công, an ninh, an toàn thông tin, thời gian thực hiện trong tháng 10 năm 2022.

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các bộ, ngành liên quan triển khai nhân rộng sử dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip thay thẻ ngân hàng và các loại thẻ liên quan đến thanh toán trong các giao dịch bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật thông tin, hiệu quả, tiết kiệm, đúng quy định pháp luật. Trước mắt, triển khai tại các ngân hàng có đủ điều kiện trên địa bàn các tỉnh, thành phố: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Thái Nguyên, thời gian thực hiện trong tháng 10 năm 2022.

- Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất giải pháp để cấp chữ ký số miễn phí cho người dân sử dụng trên Cổng dịch vụ công, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 10 năm 2022.

5. Bộ Tư pháp, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các bộ, cơ quan liên quan khẩn trương tích hợp, kết nối với phần mềm dịch vụ công liên thông 02 nhóm thủ tục hành chính “Đăng ký khai sinh – đăng ký thường trú – cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi” và “Đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú – trợ cấp mai táng phí” do Bộ Công an xây dựng, thời gian hoàn thành trong tháng 10 năm 2022.

6. Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu sớm ban hành quy chuẩn kỹ thuật về việc hiển thị các thông tin trong thẻ Căn cước công dân có gắn chip bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, chính xác, đúng quy định pháp luật. Trên cơ sở đó, các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện thống nhất, tiết kiệm, hiệu quả.

7. Các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, kết quả thực hiện Đề án 06, nhất là các tiện ích người dân, doanh nghiệp được hưởng dưới

nhieu hình thức (pano, áp phích (poster), video hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công tại bộ phận một cửa, trên màn hình led...). Tạo mã Qrcode để người dân truy cập trung tâm hướng dẫn các nghiệp vụ về định danh, dịch vụ công.

Văn phòng Chính phủ thông báo để các bộ, cơ quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- TTgCP, PTTg Vũ Đức Đam (để b/c);
- Các bộ, cơ quan: Công an, Y tế, Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Lao động – Thương binh và Xã hội, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Xuân Thành, Trợ lý TTg, Trợ lý PTTg Vũ Đức Đam, Vụ TH;
- Lưu: VT, KSTT (3).

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM**



Nguyễn Xuân Thành

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KSTT

Bình Định, ngày tháng năm 2022

V/v nâng cao hiệu quả thi hành Luật
Cư trú năm 2020 trong thực hiện thủ
tục hành chính và các giao dịch dân
sự cho người dân trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan trên
địa bàn tỉnh (Có danh sách cụ thể kèm theo)

Trong thời gian qua, công tác triển khai thực hiện Luật Cư trú năm 2020 trên địa bàn tỉnh, bên cạnh những kết quả chung đã đạt được, vẫn còn một số bất cập, hạn chế cần tiếp tục được quan tâm, khắc phục: người dân còn gặp nhiều khó khăn, lúng túng, phải đi lại nhiều nơi, nhiều lần để chuẩn bị giấy tờ pháp lý chứng minh thông tin về nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính và các giao dịch dân sự; vẫn còn tình trạng yêu cầu người dân xuất trình thêm giấy tờ tùy thân khác (nhất là Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú, Chứng minh nhân dân) để xác minh, đối chiếu với thông tin đã được chứng minh trong giấy tờ pháp lý do ngành Công an cấp.

Nhằm chấn chỉnh, khắc phục những bất cập, hạn chế nêu trên, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của công dân theo đúng quy định của Luật Cư trú năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ, Bộ Công an; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức trên địa bàn tỉnh quán triệt việc thực hiện một số nội dung công việc như sau:

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức trên địa bàn tỉnh (có danh sách cụ thể kèm theo):

- Chỉ đạo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên trong cơ quan, đơn vị chỉ sử dụng giấy tờ pháp lý của công dân do ngành Công an cấp, bao gồm: (i) “thẻ Căn cước công dân¹”, (ii) “Thông báo số định danh điện tử” và (iii) “Giấy xác nhận thông tin về cư trú” để xác minh thông tin về cá nhân, nơi thường trú của công dân trong công tác giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính, các giao dịch dân sự và các nội dung công việc khác có liên quan đến người dân. Nghiêm cấm hành vi gây phiền hà, yêu cầu người dân xuất trình thêm giấy tờ tùy thân khác để xác minh, đối chiếu với thông tin đã được người dân xuất trình, cung cấp thông qua những giấy tờ pháp lý nêu trên.

- Khẩn trương rà soát, đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc thực hiện các nội dung nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thi hành Luật Cư trú trên địa bàn tỉnh. Tập trung rà soát các văn bản quy định thành phần hồ sơ là Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú hoặc có yêu cầu xuất trình giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú trong thực hiện thủ tục hành chính, các giao dịch dân sự thuộc phạm vi

¹ Bao gồm: thông tin sẵn có trên mặt thẻ Căn cước công dân, thông tin được tích hợp trong mã QRCode trên thẻ Căn cước công dân và thông tin được tích hợp trong Chip gắn trên thẻ Căn cước công dân.

chức năng giải quyết của cơ quan, đơn vị để thực hiện quy trình sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, thống nhất với Luật Cư trú năm 2020.

- Lồng ghép việc báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nội dung Công văn này thành mục riêng trong Báo cáo định kỳ về tình hình, kết quả thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 1 Phần IV của Kế hoạch ban hành theo Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan đẩy mạnh việc thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn người dân đến các cơ quan Công an đăng ký tài khoản định danh điện tử phục vụ cho việc thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng Dịch vụ công của tỉnh theo Điều 40 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

- Phối hợp, hướng dẫn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tái cấu trúc các quy trình thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến theo hướng loại bỏ, cắt giảm các thành phần hồ sơ có liên quan đến những nội dung thông tin mà Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (Hệ thống VNPT iGate) có thể khai thác, sử dụng dữ liệu trực tiếp từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (thông tin cá nhân, nơi thường trú của công dân) ngay sau khi Bộ Công an hoàn thành việc tích hợp, kết nối Hệ thống VNPT iGate với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

3. Giao Công an tỉnh trên cơ sở nghiên cứu các nội dung Công văn số 5672/C06-TTDLDC ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an (*đính kèm theo Công văn này*) triển khai thực hiện một số nhiệm vụ sau đây:

- Chủ trì, hướng dẫn cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh về những phương thức xác minh thông tin cá nhân, nơi thường trú của công dân thay cho việc xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú khi giải quyết thủ tục hành chính, các giao dịch dân sự theo nội dung Công văn số 5672/C06-TTDLDC nêu trên. Đồng thời, phối hợp, hướng dẫn đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền để người dân biết và thực hiện, nhất là các nội dung liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân và việc thực hiện thủ tục đăng ký cư trú sau khi Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú không còn giá trị sử dụng (đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022) theo quy định tại Điều 38 Luật Cư trú năm 2020 nhằm tạo sự đồng thuận xã hội trong công tác tổ chức thi hành trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo Công an các địa phương cấp huyện phối hợp với chính quyền cùng cấp đẩy mạnh việc thông tin, tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân đến các cơ quan Công an để đăng ký tài khoản định danh điện tử góp phần phục vụ hiệu quả cho việc thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng Dịch vụ công của tỉnh theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP.

- Chỉ đạo việc công khai rộng rãi số điện thoại đường dây nóng của Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội (Phòng PC06) và Công an các địa phương cấp huyện để hướng dẫn, hỗ trợ người dân giải quyết các khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc chứng minh thông tin cá nhân, nơi thường trú của công dân; nhất là để phối hợp, hỗ trợ xử lý các tình huống yêu cầu người dân xuất trình bổ sung giấy tờ **không** đúng quy định của Luật Cư trú năm 2020 theo nội dung Công văn số 5672/C06-TTDLDC nêu trên.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan của tỉnh tổ chức kiểm tra (định kỳ và đột xuất) công tác tổ chức thực hiện Luật Cư trú năm 2020 đối với việc xác minh thông tin cá nhân, nơi thường trú trong giải quyết thủ tục hành chính, các giao dịch dân sự cho người dân, nhất là tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức có nhiều thông tin, dư luận xã hội phản ánh về tình trạng nhiều kê, phiền hà người dân, yêu cầu người dân xuất trình thêm giấy tờ không đúng quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan đánh giá sự cần thiết, đề xuất việc mua sắm các thiết bị đọc mã QRCode, thiết bị đọc chip gắn trên thẻ Căn cước công dân để bố trí tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã phục vụ cho công tác giải quyết thủ tục hành chính. Việc đánh giá, đề xuất phải dựa trên nhu cầu công việc thực tế, tránh lãng phí, nhất là sau khi hoàn thành việc tích hợp, kết nối Hệ thống VNPT iGate của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện các nội dung nhiệm vụ được giao tại Công văn này; tổng hợp, báo cáo và phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc thực hiện.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức trên địa bàn tỉnh nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Công an;
- Văn phòng Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban thuộc Tỉnh ủy;
- Các Ban thuộc HĐND tỉnh;
- Các hội, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy Khối cơ quan tỉnh;
- Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh;
- Các tổ chức hội, hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- BCD thực hiện ĐA 06 của tỉnh;
- Các đơn vị thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC, BTCD;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

DANH SÁCH

**Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức trên địa bàn tỉnh
nhận văn bản và chịu trách nhiệm triển khai, thực hiện**

(Ban hành kèm theo Công văn số /UBND-KSTT

ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan	Ghi chú
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	-
2	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	-
3	Ban Dân tộc tỉnh	-
4	Sở Công Thương	-
5	Sở Du lịch	-
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Công văn này đến các cơ sở giáo dục – đào tạo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn tỉnh.
7	Sở Giao thông vận tải	-
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	-
9	Sở Khoa học và Công nghệ	-
10	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Công văn này đến các cơ sở đào tạo nghề và các đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực khác thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trên địa bàn tỉnh.
11	Sở Ngoại vụ	-
12	Sở Nội vụ	-
13	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-
14	Sở Tài chính	-
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	-
16	Sở Thông tin và Truyền thông	-
17	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp chịu trách nhiệm triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Công văn này đến các tổ chức hành nghề công chứng và các tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý khác trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp.
18	Sở Văn hóa và Thể thao	-
19	Sở Xây dựng	-

20	Sở Y tế	Sở Y tế chịu trách nhiệm triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Công văn này đến các tổ chức, đơn vị cung cấp dịch vụ y tế, khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh.
21	Thanh tra tỉnh	-
22	Công an tỉnh	-
23	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	-
24	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	-
25	Toà án nhân dân tỉnh	-
26	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	-
27	Cục Hải quan tỉnh	-
28	Cục Thuế tỉnh	-
29	Cục Thống kê tỉnh	-
30	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh chịu trách nhiệm triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Công văn này đến các tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính, ngân hàng trên địa bàn tỉnh.
31	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Bảo hiểm xã hội tỉnh chịu trách nhiệm triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Công văn này đến các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo hiểm trên địa bàn tỉnh.
32	Cục Quản lý thị trường tỉnh	-
33	Cục Thi hành án dân sự tỉnh	-
34	Kho bạc Nhà nước tỉnh	-
35	Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh	-
36	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	-
37	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh	-
38	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	-
39	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh	-
40	UBND huyện An Lão	-
41	UBND huyện Hoài Ân	-
42	UBND huyện Vĩnh Thạnh	-
43	UBND huyện Phù Cát	-
44	UBND huyện Phù Mỹ	-
45	UBND huyện Tây Sơn	-
46	UBND huyện Tuy Phước	-
47	UBND huyện Vân Canh	-
48	UBND thị xã An Nhơn	-
49	UBND thị xã Hoài Nhơn	-

50	UBND thành phố Quy Nhơn	-
51	Công ty Điện lực Bình Định	-
52	Công ty cổ phần Môi trường Bình Định	-
53	Công ty cổ phần Công viên, cây xanh và chiếu sáng đô thị Quy Nhơn.	-
54	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	-

Số: **27** /QĐ-UBQGCĐS

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch hoạt động
của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN QUỐC GIA VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn và đổi tên Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-UBQGCĐS ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số;

Theo đề nghị của Tổ trưởng Tổ công tác giúp việc Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022.

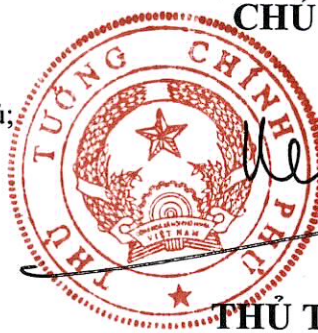
Điều 2. Các Ủy viên Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ được giao, chỉ đạo xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm chi tiết theo từng tháng. Tổ công tác giúp việc Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số theo dõi, đôn đốc và chịu trách nhiệm điều phối trong việc bảo đảm thực hiện Kế hoạch này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các thành viên Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tổ công tác giúp việc Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, UBQGCĐS (03b). **32**



CHỦ TỊCH

THỦ TƯỚNG
Phạm Minh Chính



**ỦY BAN QUỐC GIA
VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 27 /QĐ-UBQGCDST ngày 15 tháng 3 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số)*

I. MỤC TIÊU

Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số tập trung chỉ đạo, điều phối các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, ưu tiên nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu quan trọng thuộc các Chương trình, Chiến lược của Quốc gia về chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Cụ thể một số mục tiêu quan trọng năm 2022:

1. Phát triển hạ tầng số

- a) Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh đạt 85%.
- b) Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 75%.

2. Phát triển chính phủ số

- a) Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt 80%.
- b) Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt 50%.
- c) Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100% (đối với thủ tục hành chính tiếp nhận tại Bộ phận một cửa cấp bộ, cấp tỉnh từ ngày 01 tháng 6 năm 2022; đối với thủ tục hành chính tiếp nhận tại Bộ phận một cửa cấp huyện từ ngày 01 tháng 12 năm 2022).
- d) Tỷ lệ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trực tuyến đạt 50%.
- đ) Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục đạt 50% (không áp dụng đối với dữ liệu phục vụ công tác quân sự, quốc phòng).

3. Phát triển kinh tế số và xã hội số

- a) Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 30%.
- b) Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%.
- c) Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 50%.
- d) Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 7%.

đ) Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt từ 65 - 70%.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM PHÂN CÔNG CÁC THÀNH VIÊN ỦY BAN QUỐC GIA TRỰC TIẾP CHỈ ĐẠO

1. Phổ cập điện thoại thông minh và cáp quang băng rộng toàn dân

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì chỉ đạo, các địa phương phối hợp thực hiện.

Mục tiêu đến hết năm 2022 tối thiểu **75%** hộ gia đình có cáp quang, phủ sóng băng rộng di động tới **100%** thôn/bản; tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh đạt **85%**.

2. Phổ cập danh tính điện tử toàn dân

Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì chỉ đạo, Bộ Thông tin và Truyền thông và các địa phương phối hợp xây dựng Hệ thống định danh và xác thực điện tử trên nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

Mục tiêu đến hết năm 2022 sẽ có từ **15-20%** người dân sử dụng ứng dụng định danh điện tử.

3. Phổ cập an toàn thông tin mạng, an ninh mạng toàn dân

a) Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì chỉ đạo, các địa phương phối hợp triển khai phần mềm bảo vệ ở mức cơ bản, phổ cập kiến thức, kỹ năng về an toàn thông tin mạng cho người dân.

b) Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì chỉ đạo, Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành, địa phương phối hợp tổ chức thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, cập nhật kiến thức cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và quần chúng nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của an ninh mạng; hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn, hoạt động các loại tội phạm trên không gian mạng, từ đó, ý thức được vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong bảo vệ an ninh mạng và xây dựng không gian mạng an toàn, lành mạnh.

4. Phổ cập hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân

Bộ trưởng Bộ Y tế chủ trì chỉ đạo, Bộ Thông tin và Truyền thông và các địa phương phối hợp thúc đẩy triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân.

Mục tiêu đến hết năm 2022 sẽ có trên **90%** người dân Việt Nam có Hồ sơ sức khỏe điện tử, được sử dụng trong hoạt động khám chữa bệnh và theo dõi sức khỏe người dân, từng bước thay thế y bạ giấy.

5. Phổ cập dạy học trực tuyến

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì chỉ đạo, Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng dạy học trực tuyến, nền tảng đại học số và kho tài nguyên giáo dục số quốc gia. Phổ cập và duy trì tỷ lệ dạy học trực tuyến nhất định ngay cả khi dịch Covid-19 kết thúc.

Xây dựng Đề án thí điểm triển khai **05** trường tham gia mô hình giáo dục đại học số trong đào tạo nhân lực công nghệ số.

6. Phổ cập chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, Bộ Thông tin và Truyền thông và các địa phương phối hợp thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Mục tiêu đến hết năm 2022 đạt tối thiểu **150.000** doanh nghiệp nhỏ và vừa được sử dụng các tài liệu hướng dẫn, công cụ tự đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi số, hỗ trợ đào tạo, tư vấn, thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số.

7. Phổ cập hóa đơn điện tử

Bộ trưởng Bộ Tài chính chủ trì, Bộ Thông tin và Truyền thông và các địa phương phối hợp thúc đẩy việc sử dụng hóa đơn điện tử, gắn với phát triển kinh tế số, phổ cập chữ ký số trong xã hội.

Mục tiêu đến hết năm 2022 đạt tỷ lệ **100%** doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử.

8. Phổ biến nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, các bộ, ngành, Báo Nhân dân, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, các địa phương, doanh nghiệp, hội, hiệp hội, các cơ quan truyền thông phối hợp xây dựng Cổng thông tin điện tử quốc gia về chuyển đổi số để công bố công khai các bài toán chuyển đổi số, cả ở tầm quốc gia, bộ, ngành và tầm các địa phương, các bài toán chuyển đổi số của các doanh nghiệp. Công bố công khai danh sách các dự án chuyển đổi số. Phổ biến các kinh nghiệm chuyển đổi số, mô hình chuyển đổi số điển hình.

Mục tiêu đến hết năm 2022 Cổng thông tin điện tử quốc gia về chuyển đổi số có tối thiểu **30** triệu lượt truy cập.

9. Phổ biến kỹ năng số

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan truyền thông và các địa phương phối hợp ban hành Khung kỹ năng số quốc gia và triển khai Nền tảng học

trực tuyến mở đại trà về kỹ năng số (MOOCS) phù hợp với Khung kỹ năng số quốc gia, cho phép người dân tự học kỹ năng số và tự kiểm tra, đánh giá kỹ năng số cơ bản miễn phí.

Mục tiêu đến hết năm 2022 phổ biến kỹ năng số cơ bản cho tối thiểu 10 triệu lượt người.

10. Thúc đẩy toàn diện tất cả các phương thức thanh toán số

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế và các bộ ngành, địa phương phối hợp thúc đẩy triển khai thanh toán số, thanh toán không dùng tiền mặt.

Mục tiêu đến hết năm 2022 tỷ trọng thanh toán học phí, viện phí không dùng tiền mặt đạt tối thiểu 50%.

11. Phát triển thương mại điện tử, thương mại số

Bộ trưởng Bộ Công Thương chủ trì, Bộ Thông tin và Truyền thông và các địa phương phối hợp thúc đẩy thương mại điện tử, thương mại số, chuyển đổi số ngành Công Thương, đặc biệt là thương mại điện tử vùng nông thôn, đưa bà con nông dân buôn bán, cung cấp hàng hóa trên các sàn thương mại điện tử.

Mục tiêu đến hết năm 2022 tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 7%.

12. Quy hoạch đô thị thông minh

Bộ trưởng Bộ Xây dựng chủ trì, Bộ Thông tin và Truyền thông và các địa phương phối hợp xây dựng quy hoạch phát triển đô thị thông minh theo Đề án 950 về phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam; phát triển nền tảng cơ sở dữ liệu để quản lý về quy hoạch, kiến trúc; triển khai rà soát, công khai dữ liệu quy hoạch xây dựng đối với các đô thị dự kiến triển khai đô thị thông minh trên cả nước; ban hành hướng dẫn tổ chức thiết lập hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu đô thị trên nền tảng GIS phục vụ phát triển đô thị thông minh.

13. Phát triển Hệ thống thông tin báo cáo

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn, đôn đốc các bộ, cơ quan, địa phương xây dựng, vận hành, phát triển Hệ thống thông tin báo cáo của bộ, cơ quan, địa phương, bảo đảm kết nối, tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, hình thành Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo hướng cập nhật, tổng hợp thông tin từ các cấp chính quyền theo thời gian thực thông qua việc kết nối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

14. Tăng cường nguồn lực chi nghiên cứu khoa học cho chuyển đổi số

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp có giải pháp tăng cường nguồn lực, khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu phát triển, ứng dụng, đổi mới sáng tạo các công nghệ số, công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia; trong đó, nghiên cứu, đề xuất giải pháp có cơ chế đặc thù để chi cho nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ lõi và triển khai thí điểm ứng dụng công nghệ mới từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ áp dụng cho một số doanh nghiệp nhà nước về viễn thông, công nghệ số. Ưu tiên các nghiên cứu trong các lĩnh vực trụ cột của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư như AI, Blockchain, in 3D, y sinh.

15. Triển khai và đưa vào khai thác cơ sở dữ liệu nông nghiệp

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, Bộ Thông tin và Truyền thông và các địa phương phối hợp triển khai hình thành cơ sở dữ liệu quản lý cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, quản lý cơ sở chăn nuôi; cấp, quản lý mã số vùng trồng, hướng tới triển khai thí điểm, từng bước hình thành Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp, tạo nền tảng thúc đẩy chuyển đổi số cho các doanh nghiệp nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và cho người dân.

16. Phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức

Bộ trưởng Bộ Nội vụ chủ trì, Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, cơ quan, địa phương phối hợp triển khai xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức để quản lý đồng bộ, thống nhất, minh bạch, kịp thời tạo nguồn dữ liệu cốt lõi cho phát triển chính phủ số.

17. Điều phối phát triển, kết nối, chia sẻ dữ liệu

a) Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì điều phối, phối hợp cùng các bộ, ngành, địa phương trong việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia. Các bộ, ngành khẩn trương rà soát, công bố danh mục dữ liệu của mình, đăng ký dịch vụ chia sẻ dữ liệu với Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Quyết định số 1911/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

18. Điều phối phát triển, sử dụng các nền tảng số

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp các bộ, ngành phê duyệt theo thẩm quyền và tổ chức triển khai Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM PHÂN CÔNG BAN CHỈ ĐẠO CHUYỂN ĐỔI SỐ CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO

Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ điều phối, chỉ đạo triển khai, hoàn thành các mục tiêu nêu tại Mục I của Kế hoạch; tổ chức, điều phối phát triển các nền tảng số quốc gia thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; trong Quý I/2022 ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số bộ, ngành mình, trong đó cụ thể hóa kế hoạch thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm thuộc diện Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số theo dõi, đôn đốc như sau:

1. Bộ Quốc phòng

Triển khai hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 ngành Quốc phòng để phục vụ cho người dân khi thực hiện các nghĩa vụ quốc phòng.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Bộ Công an

Triển khai hiệu quả Quyết định số 1911/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện kết nối, chia sẻ giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Thời gian hoàn thành: Theo kế hoạch cụ thể của Bộ Công an.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Chính phủ.

3. Bộ Ngoại giao

Triển khai hiệu quả nền tảng quản lý lãnh sự dùng chung, thống nhất ở trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, bảo đảm công tác lãnh sự được thực hiện nhanh chóng, kịp thời, dựa trên cơ sở dữ liệu, thông tin được kết nối thông suốt trong và ngoài nước.

Thời gian hoàn thành: Theo kế hoạch cụ thể của Bộ Ngoại giao.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Bộ Tư pháp

Triển khai hiệu quả Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch để cung cấp các chức năng, tiện ích phục vụ đăng ký, quản lý hộ tịch cho các cơ quan đăng ký hộ tịch trên toàn quốc; cung cấp các chức năng phục vụ quản lý nhà nước về hộ tịch cho Bộ Tư pháp và các địa phương; hỗ trợ các địa phương triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực hộ tịch; kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan phục vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp của các lĩnh vực khác, nhằm nâng cao hiệu quả chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm các điều kiện cần thiết để xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc.

Thời gian hoàn thành: Theo kế hoạch cụ thể của Bộ Tư pháp.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

5. Bộ Tài chính

a) Xây dựng, phê duyệt theo thẩm quyền kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng kế toán dịch vụ. Chủ động, kịp thời báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

Thời gian hoàn thành: Tháng 4/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an xây dựng, ban hành Thông tư quy định về phí, lệ phí khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên cơ sở Đề án thu phí, lệ phí do Bộ Công an đề xuất.

Thời gian hoàn thành: Tháng 3/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Công an.

6. Bộ Công Thương

Triển khai Nền tảng quản lý hoạt động thương mại điện tử và thúc đẩy hoạt động thương mại điện tử đạt được mục tiêu đặt ra năm 2022.

Thời gian hoàn thành: Tháng 12/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

7. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Triển khai Nền tảng dữ liệu số về lao động, việc làm và an sinh xã hội trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, tổ chức sử dụng lao động đóng vai trò nòng cốt và người lao động, người dân tham gia tích cực trong thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phân tích, dự báo, công bố thông tin thị trường lao động và thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

Thời gian hoàn thành: Theo kế hoạch cụ thể của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an.

b) Xây dựng, phê duyệt theo thẩm quyền kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng hợp đồng lao động điện tử; thúc đẩy người lao động và tổ chức sử dụng lao động thực hiện ký kết hợp đồng lao động điện tử.

Thời gian hoàn thành: Tháng 3/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

8. Bộ Giao thông vận tải

a) Xây dựng, phê duyệt theo thẩm quyền kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng quản trị và kinh doanh vận tải. Chủ động, kịp thời báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

Thời gian hoàn thành: Tháng 3/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về giao thông vận tải, gồm dữ liệu về kết cấu hạ tầng giao thông, dữ liệu phương tiện giao thông, dữ liệu người điều khiển phương tiện giao thông trở thành dữ liệu số quốc gia, đặt nền móng cho phát triển kinh tế số - xã hội số, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Thời gian hoàn thành: Tháng 12/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

9. Bộ Xây dựng

a) Rà soát công khai dữ liệu quy hoạch xây dựng đối với các đô thị dự kiến triển khai đô thị thông minh trên cả nước.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Ban hành hướng dẫn tổ chức thiết lập hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu đô thị trên nền tảng GIS phục vụ phát triển đô thị thông minh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

10. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Xây dựng, phê duyệt theo thẩm quyền kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia gồm: Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ; Nền tảng địa chỉ số; Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu; Nền tảng hợp trực tuyến thể hệ mới cho cơ quan nhà nước; Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCS); Nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân; Nền tảng trí tuệ nhân tạo; Nền tảng thiết bị IoT; Nền tảng hợp trực tuyến thể hệ mới; Nền tảng mạng xã hội thể hệ mới; Nền tảng sàn thương mại điện tử; Nền tảng trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC); Nền tảng trung tâm giám sát điều hành an toàn thông tin mạng (SOC); Nền tảng trợ lý ảo; Nền tảng tối ưu hóa chuỗi cung ứng; Nền tảng quản trị tổng thể. Chủ động, kịp thời báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

Thời gian hoàn thành: Tháng 3/2022.

b) Chủ trì điều phối, phối hợp cùng các bộ, ngành, địa phương trong việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia. Các bộ, ngành khẩn trương rà soát, công bố danh mục dữ liệu của mình, đăng ký dịch vụ chia sẻ dữ liệu với Bộ Thông tin và Truyền thông. Bộ Thông tin và Truyền thông trình Thủ tướng Chính phủ danh mục dữ liệu mở của cơ quan nhà nước.

Thời gian hoàn thành: Tháng 4/2022.

Đơn vị phối hợp: Các bộ, ngành, địa phương.

c) Chủ trì, lựa chọn và bồi dưỡng, tập huấn cho 10.000 cán bộ chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước ở Trung ương, địa phương và các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, các cơ quan truyền thông, báo chí trong năm 2022. Bắt đầu triển khai từ tháng 01/2022.

Thời gian hoàn thành: Tháng 10/2022.

Đơn vị phối hợp: Các bộ, ngành, địa phương.

d) Rà soát toàn bộ chính sách quản lý kinh phí chi công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật hiện hành và xây dựng báo cáo chuyên đề về chính sách quản lý kinh phí chi cho chuyển đổi số.

Thời gian hoàn thành: Tháng 4/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Tài chính.

đ) Chủ trì điều phối, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương để thực hiện các chương trình, kế hoạch của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số. Phát huy vai trò cơ quan thường trực tham mưu cho Ủy ban bảo đảm lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

Thời gian hoàn thành: Tháng 12/2022.

Đơn vị phối hợp: Các bộ, ngành, địa phương.

11. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Xây dựng, phê duyệt theo thẩm quyền kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia gồm: Nền tảng dạy học trực tuyến, Nền tảng đại học số. Chủ động, kịp thời báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

Thời gian hoàn thành: Tháng 3/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Xây dựng chính sách thí điểm, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để thúc đẩy việc đào tạo, đào tạo lại, đào tạo văn bằng hai, đào tạo từ xa theo hình thức chủ yếu trực tuyến, từng bước xây dựng mô hình giáo dục đại học số, áp dụng sớm trong năm 2022 với một số cơ sở đào tạo công nghệ thông tin có uy tín; khuyến khích doanh nghiệp công nghệ số lớn triển khai đào tạo, tăng cường đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng số cho các đối tượng trong xã hội.

Thời gian hoàn thành: Tháng 8/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

12. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Xây dựng, phê duyệt theo thẩm quyền kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia gồm: Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp; Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản. Chủ động, kịp thời báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

Thời gian hoàn thành: Tháng 3/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và địa phương hình thành Cơ sở dữ liệu quản lý cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, quản lý cơ sở chăn nuôi; cấp, quản lý mã số vùng trồng, tạo nền tảng thúc đẩy chuyển đổi số cho các doanh nghiệp nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và cho người dân.

Thời gian hoàn thành: Tháng 12/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

13. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phổ cập chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thời gian hoàn thành: Tháng 12/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

14. Bộ Nội vụ

a) Triển khai xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước để quản lý đồng bộ, thống nhất, minh bạch, kịp thời tạo nguồn dữ liệu cốt lõi cho phát triển chính phủ số.

Thời gian hoàn thành: Tháng 12/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Gắn kết chặt chẽ giữa hoạt động cải cách hành chính và chuyển đổi số, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ và Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số.

Thời gian hoàn thành: Tháng 12/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

15. Bộ Y tế

Xây dựng, phê duyệt theo thẩm quyền kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia gồm: Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa; Nền tảng quản lý tiêm chủng; Nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử và Nền tảng trạm y tế xã. Chủ động, kịp thời báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

Thời gian hoàn thành: Tháng 3/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

16. Bộ Khoa học và Công nghệ

Xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế đặc thù để chỉ cho nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ lõi và triển khai thí điểm ứng dụng công nghệ mới từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ áp dụng cho một số doanh nghiệp nhà nước về viễn thông, công nghệ số. Ưu tiên các nghiên cứu trong các lĩnh vực trụ cột của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư như AI, Blockchain, in 3D, y sinh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 8/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

17. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Xây dựng, phê duyệt theo thẩm quyền kế hoạch thúc đẩy và phát triển các nền tảng số quốc gia gồm: Nền tảng bảo tàng số, Nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch. Chủ động, kịp thời báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

Thời gian hoàn thành: Tháng 3/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Triển khai Nền tảng dữ liệu số du lịch trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp du lịch đóng vai trò nòng cốt và khách du lịch tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ hoạch định chính sách, lập kế hoạch kinh doanh, tối ưu hóa, cải thiện chất lượng dịch vụ và đưa ra các gói ưu đãi cho khách du lịch.

Thời gian hoàn thành: Tháng 12/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

18. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Xây dựng, phê duyệt theo thẩm quyền kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng Nền tảng bản đồ số. Chủ động, kịp thời báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

Thời gian hoàn thành: Tháng 3/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Cơ bản hoàn thành và đưa vào vận hành và khai thác sử dụng đối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Thời gian hoàn thành: Tháng 12/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

19. Văn phòng Chính phủ

Triển khai hiệu quả hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo thời gian thực, có các công cụ phân tích dữ liệu, dự báo hỗ trợ chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu số.

Thời gian hoàn thành: Theo kế hoạch cụ thể của Văn phòng Chính phủ.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

20. Thanh tra Chính phủ

Triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập, bảo đảm thuận lợi, công khai, minh bạch trong phạm vi cả nước theo quy định.

Thời gian hoàn thành: Tháng 12/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

21. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

a) Trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Đẩy nhanh quá trình phổ cập thanh toán số, thanh toán không dùng tiền mặt theo hướng thuận tiện, dễ dàng và an toàn hơn, tạo nền móng phát triển giao dịch trực tuyến và kinh tế số.

Thời gian hoàn thành: Tháng 12/2022.

Đơn vị phối hợp: Các bộ, ngành, địa phương.

22. Ủy ban Dân tộc

Phát triển cơ sở dữ liệu về các dân tộc thiểu số Việt Nam phục vụ xây dựng và hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Thời gian hoàn thành: Tháng 12/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

23. Đài Truyền hình Việt Nam

Xây dựng, phê duyệt theo thẩm quyền kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng Nền tảng truyền hình số. Chủ động, kịp thời báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

Thời gian hoàn thành: Tháng 3/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

24. Đài Tiếng nói Việt Nam

Xây dựng, phê duyệt theo thẩm quyền kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng Nền tảng phát thanh số. Chủ động, kịp thời báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

Thời gian hoàn thành: Tháng 3/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

25. Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh

Phê duyệt và tổ chức triển khai Kế hoạch chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ.

Thời gian hoàn thành: Tháng 12/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

26. Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm. Mục tiêu: Lưu trữ thông tin về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và thông tin về y tế, an sinh xã hội được cơ quan có thẩm quyền ghi nhận và bảo đảm quyền lợi, nghĩa vụ về bảo hiểm của công dân; dữ liệu về bảo hiểm được xây dựng thống nhất trên toàn quốc, dùng chung, kết nối, chia sẻ cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm cung cấp chính xác, kịp thời thông tin về bảo hiểm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công của ngành Bảo hiểm xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu chính đáng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Thời gian hoàn thành: Tháng 12/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

27. Thông tấn xã Việt Nam

Phê duyệt và tổ chức triển khai phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số theo chuyên mục.

Thời gian hoàn thành: Tháng 12/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

28. Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Triển khai các nghiên cứu cơ bản, các sản phẩm về công nghệ số phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

Thời gian hoàn thành: Tháng 12/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

29. Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Nghiên cứu những vấn đề cơ bản về khoa học xã hội, cung cấp luận cứ khoa học để phát triển xã hội số phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

Thời gian hoàn thành: Tháng 12/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

30. Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Đề xuất giải pháp huy động nguồn lực cho chuyển đổi số quốc gia từ các doanh nghiệp.

Thời gian hoàn thành: Tháng 12/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM PHÂN CÔNG BAN CHỈ ĐẠO CHUYỂN ĐỔI SỐ CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO

Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương điều phối, chỉ đạo triển khai, hoàn thành các mục tiêu nêu tại Mục I của Kế hoạch; chỉ đạo triển khai ứng dụng các nền tảng số quốc gia trong phạm vi địa phương; trong Quý I/2022 ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của địa phương, trong đó cụ thể hóa kế hoạch thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm thuộc diện Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số theo dõi, đôn đốc ưu tiên triển khai có kết quả trong Quý II và Quý III/2022 để đánh giá, nhân rộng trên toàn quốc như sau:

1. Thành phố Hà Nội

Triển khai phổ cập danh tính điện tử cho người dân dựa trên Hệ thống định danh và xác thực điện tử trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Tỉnh An Giang

Triển khai ứng dụng thí điểm Nền tảng giám định sinh vật gây hại cho cây lúa trên địa bàn tỉnh, hướng tới có thể nhân rộng trên phạm vi toàn quốc.

Thời gian hoàn thành: Tháng 9/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Triển khai phổ cập tài khoản thanh toán điện tử cho người dân địa phương. Hoàn thành mục tiêu tỷ lệ từ 65-70% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Tỉnh Bạc Liêu

Triển khai ứng dụng Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 9/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông.

5. Tỉnh Bắc Giang

Triển khai ứng dụng Nền tảng hợp đồng lao động điện tử đối với người lao động và tổ chức sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 8/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Thông tin và Truyền thông.

6. Tỉnh Bắc Kạn

Triển khai Mạng Truyền số liệu chuyên dùng tới 100% cấp xã.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

7. Tỉnh Bắc Ninh

Triển khai thúc đẩy phát triển thương mại điện tử, sử dụng hóa đơn điện tử trên địa bàn tỉnh. Mục tiêu doanh thu số thương mại điện tử B2C (tính cho cả hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trực tuyến) chiếm từ 10 - 12% so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của tỉnh, tăng trưởng trung bình hằng năm so với năm trước khoảng 25%.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông.

8. Tỉnh Bến Tre

Triển khai ứng dụng Nền tảng dạy học trực tuyến tới 100% các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông.

9. Tỉnh Bình Dương

Triển khai ứng dụng Nền tảng địa chỉ số cho 100% các hộ gia đình trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

10. Tỉnh Bình Định

Triển khai ứng dụng Nền tảng tối ưu hóa chuỗi cung ứng của các cơ sở doanh nghiệp kinh doanh liên quan đến hoạt động logistic trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Giao thông vận tải, Bộ Thông tin và Truyền thông.

11. Tỉnh Bình Phước

Triển khai ứng dụng Nền tảng học kỹ năng trực tuyến mở đại trà (MOOCS) trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

12. Tỉnh Bình Thuận

Triển khai phổ cập hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn tỉnh dựa trên Nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử. Mục tiêu có trên 90% người dân có Hồ sơ sức khỏe điện tử.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Y tế, Bộ Thông tin và Truyền thông.

13. Tỉnh Cà Mau

Triển khai ứng dụng Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 9/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông.

14. Tỉnh Cao Bằng

Triển khai ứng dụng Nền tảng trạm y tế xã, đẩy mạnh chuyển đổi số y tế trên địa bàn tỉnh. Mục tiêu trên 50% cơ sở y tế phường, xã, phòng khám khu vực trên địa bàn tỉnh sử dụng nền tảng này.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Y tế, Bộ Thông tin và Truyền thông.

15. Thành phố Cần Thơ

Phát triển dữ liệu về kết cấu hạ tầng giao thông, dữ liệu phương tiện giao thông, dữ liệu người điều khiển phương tiện giao thông trên địa bàn tỉnh, đặt nền móng cho phát triển kinh tế số - xã hội số, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Giao thông vận tải, Bộ Thông tin và Truyền thông.

16. Thành phố Đà Nẵng

Triển khai ứng dụng Nền tảng học kỹ năng trực tuyến mở đại trà (MOOCS) trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

17. Tỉnh Đắk Lắk

Triển khai cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh giúp hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia.

Thời gian hoàn thành: Tháng 9/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Thông tin và Truyền thông.

18. Tỉnh Đắk Nông

Triển khai ứng dụng Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 9/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông.

19. Tỉnh Điện Biên

Triển khai giải pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng cho các hệ thống công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh dựa trên Nền tảng trung tâm giám sát điều hành an toàn thông tin mạng (SOC). Mục tiêu 100% cơ quan nhà nước các cấp được giám sát bảo đảm an toàn thông tin mạng, 100% máy tính của cán bộ, công chức được cài đặt phần mềm chống mã độc tập trung và được kết nối với Hệ thống giám sát an toàn không gian mạng Quốc gia.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

20. Tỉnh Đồng Nai

Triển khai thúc đẩy chuyển đổi số cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông.

21. Tỉnh Đồng Tháp

Triển khai ứng dụng Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông.

22. Tỉnh Gia Lai

Triển khai cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh giúp hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia.

Thời gian hoàn thành: Tháng 9/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Thông tin và Truyền thông.

23. Tỉnh Hà Giang

Triển khai phổ cập điện thoại thông minh, cáp quang băng rộng và ứng dụng Nền tảng truyền hình số (trực tuyến) trên địa bàn tỉnh. Mục tiêu: Tối thiểu 75% hộ gia đình có cáp quang; phủ sóng băng rộng di động tới 100% thôn/bản; tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh đạt 85%.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

24. Tỉnh Hà Nam

Triển khai ứng dụng Nền tảng bản đồ số để cung cấp dịch vụ để phát triển các ứng dụng, dịch vụ dựa trên nền bản đồ, phục vụ quản lý của nhà nước và các lĩnh vực đời sống, kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Thông tin và Truyền thông.

25. Tỉnh Hà Tĩnh

Triển khai ứng dụng Nền tảng dữ liệu số về lao động, việc làm và an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Thúc đẩy sự tham gia của các doanh nghiệp, người dân trên địa bàn tỉnh trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phân tích, dự báo, công bố thông tin thị trường lao động và thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Thông tin và Truyền thông.

26. Tỉnh Hải Dương

Triển khai ứng dụng Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông.

27. Thành phố Hải Phòng

Triển khai ứng dụng Nền tảng quản trị và kinh doanh vận tải cho các doanh nghiệp, thúc đẩy chuyển đổi số cho lĩnh vực vận tải trên địa bàn thành phố.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Giao thông vận tải, Bộ Thông tin và Truyền thông.

28. Tỉnh Hậu Giang

Triển khai ứng dụng Nền tảng quản trị tổng thể nhằm hỗ trợ, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

29. Tỉnh Hòa Bình

Triển khai ứng dụng Nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch của các cơ sở doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông.

30. Thành phố Hồ Chí Minh

Triển khai ứng dụng Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên địa bàn thành phố.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

31. Tỉnh Hưng Yên

Triển khai ứng dụng Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông.

32. Tỉnh Khánh Hòa

Triển khai ứng dụng Nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch của các cơ sở doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông.

33. Tỉnh Kiên Giang

Triển khai ứng dụng Nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch của các cơ sở doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông.

34. Tỉnh Kon Tum

Triển khai cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh giúp hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia.

Thời gian hoàn thành: Tháng 9/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Thông tin và Truyền thông.

35. Tỉnh Lai Châu

Triển khai ứng dụng Nền tảng phát thanh số trên địa bàn tỉnh. Mục tiêu 50% số xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh áp dụng nền tảng này.

Thời gian hoàn thành: Tháng 9/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

36. Tỉnh Lạng Sơn

Triển khai ứng dụng thí điểm Nền tảng Cửa khẩu số nhằm quản lý tổng thể và toàn diện hoạt động xuất nhập khẩu qua cửa khẩu dựa trên công nghệ số, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp lãnh đạo, cải cách hành chính, phục vụ người dân và doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu tốt hơn, hướng tới có thể nhân rộng trên phạm vi toàn quốc.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

37. Tỉnh Lào Cai

Triển khai ứng dụng Nền tảng dữ liệu số du lịch để thực hiện đánh giá, phân loại và số hóa tài nguyên du lịch, cập nhật thường xuyên thông tin, dữ liệu số về khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch, thị trường du lịch trên Nền tảng dữ liệu số du lịch trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông.

38. Tỉnh Lâm Đồng

Triển khai ứng dụng Nền tảng trạm y tế xã, đẩy mạnh chuyển đổi số y tế trên địa bàn tỉnh. Mục tiêu trên 50% cơ sở y tế phường, xã, phòng khám khu vực trên địa bàn tỉnh sử dụng nền tảng này.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Y tế, Bộ Thông tin và Truyền thông.

39. Tỉnh Long An

Triển khai áp dụng Nền tảng quản lý tiêm chủng, đẩy mạnh chuyển đổi số y tế trên địa bàn tỉnh. Mục tiêu trên 100% cơ sở y tế phường, xã, phòng khám khu vực trên địa bàn tỉnh sử dụng nền tảng này cho hoạt động tiêm chủng vắc xin.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Y tế, Bộ Thông tin và Truyền thông.

40. Tỉnh Nam Định

Triển khai thúc đẩy phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh dựa trên Nền tảng sàn thương mại điện tử. Mục tiêu tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ chiếm tối thiểu 7%.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông.

41. Tỉnh Nghệ An

Triển khai ứng dụng Nền tảng hợp trực tuyến thể hệ mới cho cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

42. Tỉnh Ninh Bình

Triển khai ứng dụng Nền tảng quản trị tổng thể nhằm hỗ trợ, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

43. Tỉnh Ninh Thuận

Triển khai ứng dụng Nền tảng địa chỉ số cho 100% các hộ gia đình trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

44. Tỉnh Phú Thọ

Triển khai ứng dụng Nền tảng bản đồ số để cung cấp dịch vụ để phát triển các ứng dụng, dịch vụ dựa trên nền bản đồ, phục vụ quản lý của nhà nước và các lĩnh vực đời sống, kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Thông tin và Truyền thông.

45. Tỉnh Phú Yên

Triển khai ứng dụng Nền tảng quản lý tiêm chủng, đẩy mạnh chuyển đổi số y tế trên địa bàn tỉnh. Mục tiêu trên 100% cơ sở y tế phường, xã, phòng khám khu vực trên địa bàn tỉnh sử dụng nền tảng này cho hoạt động tiêm chủng vắc xin.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Y tế, Bộ Thông tin và Truyền thông

46. Tỉnh Quảng Bình

Triển khai ứng dụng Nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch của các cơ sở doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông.

47. Tỉnh Quảng Nam

Triển khai phổ cập hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn tỉnh; mục tiêu có trên 70% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử. Triển khai Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Y tế, Bộ Thông tin và Truyền thông.

48. Tỉnh Quảng Ngãi

Triển khai ứng dụng Nền tảng phát thanh số trên địa bàn tỉnh. Mục tiêu 50% số xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh áp dụng nền tảng này.

Thời gian hoàn thành: Tháng 9/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

49. Tỉnh Quảng Ninh

Triển khai ứng dụng Nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

50. Tỉnh Quảng Trị

Triển khai phổ cập điện thoại thông minh, cấp quang băng rộng và triển khai Nền tảng hợp trực tuyến thể hệ mới cho cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Mục tiêu: Tối thiểu 75% hộ gia đình có cáp quang, phủ sóng băng rộng di động tới 100% thôn/bản; tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh đạt 85%.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

51. Tỉnh Sóc Trăng

Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý an sinh xã hội đáp ứng nhu cầu quản lý toàn diện ở tất cả các lĩnh vực, giải quyết các bất cập hiện nay đối với công tác quản lý, điều hành của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Thông tin và Truyền thông.

52. Tỉnh Sơn La

Triển khai ứng dụng Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông.

53. Tỉnh Tây Ninh

Triển khai thúc đẩy phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh dựa trên Nền tảng sàn thương mại điện tử. Mục tiêu tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ chiếm tối thiểu 7%.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông.

54. Tỉnh Thái Bình

Triển khai ứng dụng Nền tảng Sở tay đảng viên để triển khai các chương trình hoạt động của Đảng bộ tỉnh và các Ban Đảng đến đảng viên nhanh chóng, kịp thời. Đảng viên tự quản lý các thông tin cá nhân, tài liệu Đảng cũng như đóng góp ý kiến để xây dựng tổ chức Đảng, hướng tới có thể nhân rộng trên phạm vi toàn quốc.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

55. Tỉnh Thái Nguyên

Triển khai áp dụng Nền tảng Sổ tay đảng viên để triển khai các chương trình hoạt động của Đảng bộ tỉnh và các Ban Đảng đến đảng viên nhanh chóng, kịp thời. Đảng viên tự quản lý các thông tin cá nhân, tài liệu Đảng cũng như đóng góp ý kiến để xây dựng tổ chức Đảng, hướng tới có thể nhân rộng trên phạm vi toàn quốc.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

56. Tỉnh Thanh Hóa

Triển khai thúc đẩy phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh dựa trên Nền tảng sàn thương mại điện tử. Mục tiêu tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ chiếm tối thiểu 7%.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông.

57. Tỉnh Thừa Thiên Huế

Triển khai ứng dụng Nền tảng bản đồ số để cung cấp dịch vụ để phát triển các ứng dụng, dịch vụ dựa trên nền bản đồ, phục vụ quản lý của nhà nước và các lĩnh vực đời sống, kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Thông tin và Truyền thông.

58. Tỉnh Tiền Giang

Triển khai áp dụng Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản trên địa bàn tỉnh hỗ trợ hoạt động chuyển đổi số nông nghiệp tại địa phương.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông.

59. Tỉnh Trà Vinh

Triển khai Nền tảng đại học số tại Trường đại học Trà Vinh. Thúc đẩy giảng dạy trực tuyến giúp chuyển đổi số trong hoạt động giáo dục trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

60. Tỉnh Tuyên Quang

Triển khai ứng dụng Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Tháng 9/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông.

61. Tỉnh Vĩnh Long

Triển khai thúc đẩy phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh dựa trên Nền tảng sàn thương mại điện tử. Mục tiêu tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ chiếm tối thiểu 7%.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông.

62. Tỉnh Vĩnh Phúc

Triển khai phổ cập hóa đơn điện tử trên địa bàn tỉnh. Mục tiêu đạt tỷ lệ 100% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sử dụng hóa đơn điện tử.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông.

63. Tỉnh Yên Bái

Triển khai thúc đẩy phát triển xã hội số, công dân số thông qua việc xây dựng ứng dụng di động cung cấp dịch vụ số cho người dân trên địa bàn. Năm 2022 ưu tiên triển khai phục vụ công dân và người lao động tại các Khu công nghiệp và các dịch vụ số liên quan. Hết năm 2022 đạt 70% người lao động tại các khu công nghiệp sử dụng ứng dụng.

Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

V. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

1. Tổ chức các Phiên họp toàn thể của Ủy ban

a) Họp định kỳ 01 quý /01 lần, sơ kết 6 tháng; tùy theo tình hình có thể mời thêm các cơ quan, doanh nghiệp, cá nhân liên quan tham dự;

b) Họp tổng kết cuối năm với Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương;

c) Dự kiến thời gian các phiên họp: Tháng 3, Tháng 7 (sơ kết 6 tháng), Tháng 9, Tháng 11 (Tổng kết năm);

d) Đơn vị chủ trì tổ chức triển khai: Tổ công tác giúp việc Ủy ban.

2. Tổ chức các Phiên họp chuyên đề đột xuất của Ủy ban để giải quyết ngay các khó khăn, vướng mắc phát sinh

Đơn vị chủ trì tổ chức triển khai: Tổ công tác giúp việc Ủy ban.

3. Tổ chức các Phiên họp của Thường trực Ủy ban với các cơ quan liên quan

Đơn vị chủ trì tổ chức triển khai: Tổ công tác giúp việc Ủy ban.

4. Phổ biến, tuyên truyền về tình hình triển khai, định hướng chuyển đổi số theo các hoạt động của Ủy ban

Đơn vị chủ trì tổ chức triển khai: Tổ công tác giúp việc Ủy ban.

5. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch

Đơn vị chủ trì tổ chức triển khai: Tổ công tác giúp việc Ủy ban.

6. Tổng kết hoạt động năm 2022 và xây dựng Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ủy ban

Đơn vị chủ trì tổ chức triển khai: Tổ công tác giúp việc Ủy ban.

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg
ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt
Đề án “Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông
trong giải quyết thủ tục hành chính” trên địa bàn tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của
Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một
cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính”;*

*Căn cứ Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Ủy
ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 09-
CTr/TU ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội
XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách
hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai
đoạn 2020 – 2025;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số
625/TTr-VPUBND ngày 12 tháng 11 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quyết
định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê
duyet Đề án “Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong
giải quyết thủ tục hành chính” trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp, hướng
dẫn việc triển khai và theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân

dân tỉnh kết quả thực hiện các nội dung nhiệm vụ tại Kế hoạch này của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Bình Định;
- TT các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- VNPT Bình Định;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC;
- Lưu: VT, KSTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hải Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng
Chính phủ phê duyệt Đề án “Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa
liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính” trên địa bàn tỉnh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Triển khai đầy đủ, hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu và nội dung nhiệm vụ của Đề án “Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 (sau đây gọi tắt là Đề án 468) gắn với công tác triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 – 2025 (ban hành kèm theo Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh) và Kế hoạch thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh (ban hành kèm theo Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

2. Nghiên cứu đổi mới mô hình tổ chức, hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, triển khai hiệu quả công tác số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và sử dụng lại kết quả số hóa trong thực hiện thủ tục hành chính nhằm tăng năng suất lao động của cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan Nhà nước, đáp ứng yêu cầu nâng cao mức độ hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp về chất lượng phục vụ hành chính.

3. Xác định rõ nội dung công việc, thời gian hoàn thành và gắn trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời, phát huy vai trò chủ động, tích cực của các cơ quan, đơn vị, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, linh hoạt, sáng tạo trong công tác triển khai thực hiện Kế hoạch; kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khắc phục khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Năm 2021

- Phối hợp với Bộ, ngành Trung ương có liên quan hoàn thành việc kết nối, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh phục vụ cho việc xác thực, định danh và cắt giảm, đơn giản hóa hồ sơ, giấy tờ công dân, doanh nghiệp trong công tác tiếp nhận hồ sơ, giải quyết các thủ tục hành chính có liên quan.

- Hoàn thành việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đối với trên 50% tổng số thủ tục hành chính đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh và tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Triển khai rà soát, đánh giá thủ tục hành chính làm cơ sở cho việc áp dụng thí điểm giải quyết một số thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không phụ thuộc vào địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

- Phân đầu đến hết năm 2021, mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với công tác giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh đạt tối thiểu 80%.

2. Năm 2022

- Phối hợp với Bộ, ngành Trung ương hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm xã hội và đất đai với Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh phục vụ việc giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã.

- Hoàn thành việc triển khai sử dụng hóa đơn, chứng từ điện tử được tích hợp vào Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh để thực hiện thu phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính thay thế cho việc sử dụng hóa đơn, chứng từ bằng giấy tại 100% Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã.

- Triển khai công tác số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng và phân đầu đạt tối thiểu tương ứng 50%, 40%, 35% đối với kết quả thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để đảm bảo việc kết nối chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Tổ chức triển khai quy trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, 60% Bộ phận Một cửa cấp huyện, 30% Bộ phận Một cửa cấp xã.

- Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến; trong đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

- Hoàn thành việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đối với 100% tổng số thủ tục hành chính đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh và tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Phân đầu tối thiểu 30% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu được chấp nhận khi giao dịch thành công hồ sơ thủ tục hành chính trước đó mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đó được cơ quan nhà nước khác sẵn sàng chia sẻ và đáp ứng được yêu cầu.

- Giảm thời gian chờ đợi của người dân, doanh nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã xuống trung bình còn tối đa 30 phút/01 lần đến giao dịch.

- Phân đầu đến hết năm 2022, mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 85%.

3. Giai đoạn 2023 – 2025

- Tiếp tục phối hợp với Bộ, ngành Trung ương hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia còn lại, các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh phục vụ cho việc cắt giảm, đơn giản hóa hồ sơ, giấy tờ công dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã.

- Tiếp tục thực hiện quy trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã theo tỷ lệ tăng mỗi năm tối thiểu 30% cho đến khi đạt 100%, trừ các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

- Tăng tỷ lệ số hóa, ký số và lưu trữ điện tử đối với hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được giải quyết thành công trong mỗi năm tăng thêm 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Phân đầu đạt tỷ lệ 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu được chấp nhận khi giao dịch thành công hồ sơ thủ tục hành chính trước đó mà cơ quan nhà

nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

- Tỷ lệ người dân thực hiện các dịch vụ công trực tuyến và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử phần đầu đạt tối thiểu 50% so với tổng số hồ sơ tiếp nhận; tối thiểu từ 80% trở lên hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử; 100% hồ sơ thủ tục hành chính đã giải quyết thành công được số hóa, lưu trữ và có giá trị tái sử dụng.

- Tăng năng suất lao động trung bình trong việc giải quyết thủ tục hành chính thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xã hội hóa một số công việc trong quy trình hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cụ thể: năng suất tiếp nhận hồ sơ trung bình một năm của 01 nhân sự làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã là 1.600 hồ sơ; vùng nông thôn là 1.200 hồ sơ; vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn là 800 hồ sơ (trừ trường hợp tổng số hồ sơ tiếp nhận trong năm/01 Bộ phận Một cửa ít hơn chỉ tiêu trên). Giảm thời gian chờ đợi của người dân, doanh nghiệp xuống trung bình còn tối đa 15 phút/01 lượt giao dịch.

- Phần đầu đến năm 2025 mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư... đạt tối thiểu 85%.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Rà soát, đánh giá và xây dựng, hoàn thiện thể chế, hệ thống các văn bản pháp luật của tỉnh liên quan đến việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

- Trên cơ sở việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ, tiến hành rà soát, đánh giá, xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định liên quan của tỉnh để làm cơ sở cho việc triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Ban hành chế độ, chính sách áp dụng cho người làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã theo quy định của Trung ương, phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương.

2. Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống công nghệ thông tin

- Rà soát, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử; trong đó, chú trọng đầu tư trang thiết bị, đường truyền, phần mềm, cấp chữ ký số cá nhân để phục vụ cho việc triển khai số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

- Nâng cấp Cổng Dịch vụ công của tỉnh đảm bảo thực hiện xác thực, định danh và kết nối, chia sẻ dữ liệu thông suốt với Cổng Dịch vụ công quốc gia; bổ sung một số tiện ích của Cổng Dịch vụ công của tỉnh để triển khai cung cấp trực tuyến một số dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích (điện, nước, y tế, giáo dục...); tối ưu chức năng thanh toán trực tuyến đảm bảo cho việc thực hiện thuận tiện, nhanh chóng các giao dịch thanh toán trực tuyến các loại phí sử dụng dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích.

- Hoàn thiện Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh; nâng cấp Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh đáp ứng yêu cầu tái sử dụng lại kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thông qua Kho quản lý dữ liệu điện tử. Hoàn thành việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh với các Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu và các phần mềm chuyên ngành phục vụ cho việc đơn giản hóa thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

3. Đổi mới tổ chức, hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã và nâng cao hiệu quả công tác giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính

- Trên cơ sở đánh giá số lượng hồ sơ thủ tục hành chính phát sinh, nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền cho chủ trương triển khai thực hiện Đề án đổi mới tổ chức, hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã theo hướng tạo sự chủ động cho các cơ quan, đơn vị, địa phương bố trí hợp lý số lượng người làm việc để nâng cao năng suất lao động, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm chi phí quản lý hành chính và chi phí xã hội trong thực hiện thủ tục hành chính.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương đưa ra tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã theo Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục nghiên cứu tái cấu trúc quy trình, điện tử hóa mẫu đơn, tờ khai, kết quả giải quyết thủ tục hành chính để phục vụ cho việc triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh, cắt giảm giấy tờ, tiết kiệm chi phí hành chính; triển khai hoàn thiện việc áp dụng hóa đơn, chứng từ điện tử tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã.

- Thực hiện hiệu quả các giải pháp tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính theo hướng không phụ thuộc địa giới hành chính trên các lĩnh vực: hộ tịch, cư trú, quản lý xuất nhập cảnh, bảo hiểm xã hội, thuế... trên cơ sở hướng dẫn, định hướng của Trung ương. Thực hiện rà soát, đánh giá, phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của cấp này có thể giao cấp khác tiếp nhận hồ sơ.

- Tham mưu cơ chế lựa chọn doanh nghiệp đủ khả năng cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính phù hợp với các quy định liên quan của pháp luật hiện hành.

- Triển khai hướng dẫn thiết kế bản sắc thương hiệu của Bộ phận Một cửa các cấp tỉnh Bình Định theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

4. Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

- Ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở quy định, hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

- Triển khai số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực theo Kế hoạch thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh (được ban hành kèm theo Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Thực hiện quy trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong quá trình tiếp nhận, xử lý thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã; gắn việc số hóa với quá trình giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương để hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ nâng cao hiệu quả công tác quản lý và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

(Các nhiệm vụ cụ thể kèm theo Kế hoạch này)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch triển khai Đề án do ngân sách Nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Hằng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện và tổng hợp chung vào dự toán của cơ quan, đơn vị để trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp, đơn vị cung cấp dịch vụ công ích thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thông tin, tuyên truyền, quán triệt việc thực hiện Kế hoạch này. Xây dựng, ban hành kế hoạch riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch cải cách hành chính hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương để tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao đảm bảo tiến độ đề ra.

- Tăng cường công tác rà soát, đánh giá, đề xuất việc đơn giản hóa thành phần, hồ sơ giấy tờ, cắt giảm thời gian giải quyết hoặc đề xuất phương án phân cấp giải quyết thủ tục hành chính; tham mưu ban hành các quy định thực hiện liên thông các thủ tục hành chính có liên quan với nhau. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để cải tiến quy trình giải quyết công việc; chủ động phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nhóm nhiệm vụ liên quan đến việc triển khai kết nối, tích hợp các Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu và phần mềm chuyên ngành với Hệ thống một cửa điện tử tỉnh phục vụ cho việc nâng cao hiệu quả công tác giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo thực hiện rà soát, cải tạo, nâng cấp trụ sở Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; bố trí đầy đủ máy móc, trang thiết bị làm việc; chủ động thực hiện các giải pháp nâng cao năng suất lao động, giải quyết tốt số lượng giao dịch thủ tục hành chính phát sinh trong ngày tại địa phương. Thường xuyên đánh giá thực trạng, tập huấn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý, nhất là đối với cấp xã.

- Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch cải cách hành chính đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Kế

hoạch này lồng ghép trong báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định.

- Kịp thời biểu dương, khen thưởng, động viên hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc với mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo, triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung nhiệm vụ tại Kế hoạch này.

2. Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Cục Thuế tỉnh

- Rà soát, tham mưu đề xuất để đưa vào triển khai thực hiện tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính đối với các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý.

- Tiếp tục rà soát, đăng ký Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã theo Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này; kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh (nếu có).

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định liên quan của tỉnh để làm cơ sở cho việc triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh việc đổi mới tổ chức, hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã; gắn với việc triển khai số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực và số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong quá trình tiếp nhận, xử lý thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trên cơ sở hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ; đồng thời nghiên cứu, tham mưu đề xuất sửa đổi chính sách trợ cấp cho người làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành rà soát, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn hóa và tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đồng bộ, thống nhất theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ nhằm đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan để kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp, đầu tư, bảo hiểm xã hội, thuế...; bổ sung các tính năng tiện ích của Cổng Dịch vụ công và nâng cấp Hệ thống một cửa điện tử tỉnh phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; từng bước triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến đối với một số dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích (điện, nước, y tế, giáo dục...).

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch này.

4. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu triển khai hướng dẫn lưu trữ điện tử đối với hồ sơ thủ tục hành chính.

- Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung đổi mới tổ chức, hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã; tham mưu sửa đổi chính sách trợ cấp cho người làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã.

- Lồng ghép các nội dung Kế hoạch này trong các kế hoạch cải cách hành chính, kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính hằng năm để phục vụ cho công tác theo dõi, quản lý, kiểm tra, đánh giá và đôn đốc việc thực hiện.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao các kỹ năng công vụ cho người làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp, hướng dẫn các cơ quan liên quan thực hiện tích hợp các hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành với Hệ thống một cửa điện tử tỉnh phục vụ hiệu quả công tác giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ tham mưu triển khai số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực theo Kế hoạch thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ và số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong quá trình tiếp nhận, xử lý thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính;

thực hiện các biện pháp giám sát, đảm bảo an toàn thông tin cho Công Dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử tỉnh.

- Phối hợp, chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh thường xuyên thông tin, tuyên truyền về tình hình, kết quả thực hiện các nội dung tại Kế hoạch này.

6. Sở Tài chính

Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch này; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập dự toán, bố trí và sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) để xem xét giải quyết hoặc điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục
CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐỔI MỚI VIỆC THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA,
MỘT CỬA LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh)

STT		Nhiệm vụ/ Nhóm nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
			Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp		
I		CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH (02 nhiệm vụ)				
1	1	Tham mưu việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 72/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020, Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2020 và Quyết định số 63/2019/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh (nếu cần thiết)	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Tư pháp; các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Sau khi Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Văn phòng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
2	2	Xây dựng, tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện Kế hoạch	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị liên quan	Các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch	Thường xuyên
II		NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG DỊCH VỤ CÔNG VÀ HỆ THỐNG MỘT CỬA ĐIỆN TỬ TỈNH (16 nhiệm vụ)				
3	1	Nhóm nhiệm vụ liên quan đến việc triển khai kết nối, tích hợp các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu và phần mềm chuyên ngành với Hệ thống một cửa điện tử tỉnh phục vụ cho việc nâng cao hiệu quả công tác giải quyết thủ tục	-	-	-	-

STT		Nhiệm vụ/ Nhóm nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
			Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp		
		hành chính trên môi trường điện tử				
4	1.1	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Bộ Công an)	Sở Thông tin và Truyền thông	Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, VNPT Bình Định	Báo cáo kết quả triển khai	Quý IV/2021
5	1.2	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp; Phần mềm Đăng ký kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, VNPT Bình Định	Báo cáo kết quả triển khai	Quý IV/2021
6	1.3	Phần mềm Cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến, Đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, VNPT Bình Định	Báo cáo kết quả triển khai	Quý I/2022
7	1.4	Phần mềm Cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính)	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, VNPT Bình Định	Báo cáo kết quả triển khai	Quý I/2022
8	1.5	Phần mềm Cấp phép xây dựng (Bộ Xây dựng)	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Xây dựng, Sở Thông tin và Truyền thông, VNPT Bình Định	Báo cáo kết quả triển khai	Quý I/2022
9	1.6	Phần mềm Cấp đổi giấy phép lái xe (Bộ Giao thông vận tải)	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Giao thông vận tải, Sở Thông tin và Truyền thông, VNPT Bình Định	Báo cáo kết quả triển khai	Quý II/2022
10	1.7	Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm (Bảo hiểm xã hội Việt Nam)	Văn phòng UBND tỉnh	Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, VNPT	Báo cáo kết quả triển khai	Quý II/2022

STT		Nhiệm vụ/ Nhóm nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
			Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp		
				Bình Định		
11	1.8	Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, VNPT Bình Định	Báo cáo kết quả triển khai	Quý IV/2022
12	1.9	Cơ sở dữ liệu quốc gia về thống kê tổng hợp về dân số (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, VNPT Bình Định	Báo cáo kết quả triển khai	Quý IV/2022
13	1.10	Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính (Bộ Tài chính)	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, VNPT Bình Định	Báo cáo kết quả triển khai	Quý IV/2022
14	2	Nhóm nhiệm vụ thí điểm cung cấp “Đăng ký sử dụng dịch vụ và thanh toán trực tuyến phí sử dụng dịch vụ công ích trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh” ¹	-	-	-	-
15	2.1	Đăng ký sử dụng dịch vụ và thu tiền điện trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Công ty Điện lực Bình Định; Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, VNPT Bình Định; các cơ quan, đơn vị liên quan.	Các văn bản triển khai việc cung cấp dịch vụ trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh	Quý I/2022

¹ Thông qua Cổng Dịch vụ công của tỉnh, người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện theo phương thức trực tuyến việc đề nghị các đơn vị cung cấp dịch vụ điện nước (điện, nước, thu gom rác...) mà không cần đến trực tiếp đơn vị để đăng ký; đồng thời, hằng tháng có thể thanh toán trực tuyến phí sử dụng dịch vụ. Việc này nhằm hạn chế tiếp xúc trực tiếp, góp phần phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trong trạng thái bình thường mới.

STT		Nhiệm vụ/ Nhóm nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
			Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp		
16	2.2	Đăng ký sử dụng dịch vụ và thu tiền nước thông qua Cổng Dịch vụ công của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định; Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, VNPT Bình Định; các cơ quan, đơn vị liên quan	Các văn bản triển khai việc cung cấp dịch vụ trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh	Quý II/2022
17	2.3	Đăng ký sử dụng dịch vụ và thu tiền rác thải thông qua Cổng Dịch vụ công của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Công ty cổ phần Môi trường Bình Định; Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, VNPT Bình Định; các cơ quan, đơn vị liên quan	Các văn bản triển khai việc cung cấp dịch vụ trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh	Quý III/2022
18	3	Nhóm nhiệm vụ thí điểm “Đăng ký cung cấp Dịch vụ thanh toán học phí trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh tại một số cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh” ²	-	-	-	-
19	3.1	Đăng ký cung cấp Dịch vụ thanh toán học phí trực tuyến cho đối tượng là sinh viên thông qua Cổng Dịch vụ công của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	- Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn; Trường Cao đẳng Y tế Bình Định. - Sở Thông tin và	Các văn bản triển khai việc cung cấp dịch vụ trên Cổng Dịch vụ công của	Quý III/2022

² Thông qua Cổng Dịch vụ công của tỉnh, phụ huynh, học sinh, sinh viên có thể thanh toán trực tuyến học phí mà không cần nộp trực tiếp tiền mặt cho các cơ sở đào tạo. Việc này nhằm hạn chế tiếp xúc trực tiếp, góp phần phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trong trạng thái bình thường mới.

STT		Nhiệm vụ/ Nhóm nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
			Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp		
				Truyền thông, Sở Tài chính; VNPT Bình Định	tỉnh	
20	3.2	Đăng ký cung cấp Dịch vụ thanh toán học phí trực tuyến cho đối tượng là học sinh thông qua Cổng Dịch vụ công của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các trường Trung học phổ thông, Trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh. - Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính; VNPT Bình Định	Các văn bản triển khai việc cung cấp dịch vụ trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh	Quý IV/2023
21	4	Thí điểm cung cấp “Dịch vụ đặt lịch hẹn khám bệnh và thanh toán trực tuyến các khoản phí tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh” ³	Văn phòng UBND tỉnh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Sở Y tế, Sở Thông tin và Truyền thông, VNPT Bình Định	Các văn bản triển khai việc cung cấp dịch vụ trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh	Quý IV/2023
III		ĐỔI MỚI, NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH, BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP HUYỆN, CẤP XÃ (10 nhiệm vụ)				
22	1	Rà soát, bổ sung tính năng “Đăng ký hẹn giờ giao dịch thủ tục hành chính” và một số tính năng khác của Cổng Dịch vụ công tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị liên quan	Văn bản chỉ đạo việc triển khai thử nghiệm	Quý I/2022

³ Thông qua Cổng Dịch vụ công của tỉnh, người dân có thể thực hiện theo phương thức trực tuyến việc đăng ký khám bệnh tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh. Sau khi được Bệnh viện Đa khoa tỉnh tiếp nhận yêu cầu cung cấp dịch vụ và cho lịch hẹn cụ thể, người dân đến khám và thanh toán trực tuyến các khoản phí. Việc này nhằm hạn chế số lượng người dân tập trung quá đông tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh như hiện nay. Qua đó vừa giúp đơn vị tiết kiệm chi phí quản lý, đồng thời góp phần phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trong trạng thái bình thường mới.

STT		Nhiệm vụ/ Nhóm nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
			Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp		
23	2	Triển khai thực hiện thanh toán trực tuyến phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính đối với 100% thủ tục hành chính chưa đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Các văn bản triển khai của Chủ tịch UBND tỉnh	Quý I/2022
24	3	Triển khai áp dụng hóa đơn, chứng từ điện tử (đối với Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã chưa triển khai)	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn bản triển khai	Quý I/2022
25	4	Xây dựng Đề án đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Nội vụ, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quyết định phê duyệt Đề án của UBND tỉnh	Quý II/2022
26	5	Bổ sung một số Danh mục thủ tục hành chính thuộc các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh vào thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	- Công an tỉnh - Bảo hiểm xã hội tỉnh - Cục Thuế tỉnh	Quyết định của UBND tỉnh	Quý II/2022
27	6	Thực hiện rà soát, đánh giá, phê duyệt các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết có thể triển khai ngay việc tiếp nhận và giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính đối với các thủ tục hành chính chưa được triển khai toàn quốc để tổ chức triển khai thí điểm	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị liên quan	Quyết định phê duyệt Danh mục các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết	Quý III/2022
28	7	Thiết kế bản sắc thương hiệu của Bộ phận Một cửa các cấp tỉnh Bình Định	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Thông tin và Truyền thông	Văn bản hướng dẫn	Quý IV/2022

STT		Nhiệm vụ/ Nhóm nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
			Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp		
29	8	Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện việc giám sát, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian thực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã; VNPT Bình Định	Văn bản triển khai	Theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ
30	9	Xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai	UBND thành phố Quy Nhơn (triển khai thí điểm)	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng UBND tỉnh; các phòng ban, phường, xã thành phố	- Các văn bản triển khai của Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND thành phố Quy Nhơn - Cơ sở dữ liệu về đất đai được xây dựng	Quý IV/2023
31			Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã		Quý IV/2025
IV		SỐ HÓA HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (06 nhiệm vụ)				
32	1	Rà soát, cấp chữ ký số cá nhân để phục vụ cho việc triển khai số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	- Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh -Danh sách cấp chữ ký số cá nhân của Ban cơ yếu Chính phủ	Quý II/2022
33	2	Đầu tư phần mềm và kho dữ liệu để số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	- Các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Văn phòng	Quý II/2022

STT		Nhiệm vụ/ Nhóm nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
			Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp		
					UBND tỉnh - Phần mềm số hóa và Kho dữ liệu	
34	3	Tham mưu việc triển khai thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực; số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị liên quan	Các văn bản triển khai của UBND tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh	Quý II/2022
35	4	Triển khai công tác số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng tại cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ	- Các văn bản triển khai của UBND tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh - Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025 ⁴
36	5	Triển khai quy trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã (Bộ phận một cửa cấp xã do UBND cấp huyện chọn)	- Các sở, ban, ngành, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - UBND cấp huyện: thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn, huyện Tuy Phước, huyện Phù Cát, huyện Phù Mỹ, huyện	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ	Báo cáo kết quả số hóa	Quý IV/2022

⁴ Thực hiện theo Kế hoạch của Văn phòng Chính phủ về thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính” được ban hành kèm theo tiến độ triển khai của Văn phòng Chính phủ tại Quyết định số 381/QĐ-VPCP ngày 18 tháng 6 năm 2021.

STT		Nhiệm vụ/ Nhóm nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
			Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp		
			An Lão			
37	6	Thực hiện quy trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa cấp huyện và cấp xã đối với Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã còn lại	UBND cấp huyện, cấp xã còn lại	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ	Báo cáo kết quả số hóa	Năm 2023-2025
V		HƯỚNG DẪN, KIỂM TRA, ĐÔN ĐỐC VIỆC THỰC HIỆN (03 nhiệm vụ)				
38	1	Kế hoạch kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh	Kế hoạch kiểm tra	Định kỳ hằng năm
39	2	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền để phổ biến nội dung, lộ trình thực hiện Kế hoạch; đồng thời tăng cường hỗ trợ, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp tiếp cận, khai thác và sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông; UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh	Lồng ghép Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính hằng năm	Định kỳ hằng năm
40	3	Sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị liên quan	Văn bản hướng dẫn việc thực hiện	Sơ kết tháng 12/2023; Tổng kết tháng 12/2025